

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2010

THÔNG TƯ
Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11;

Căn cứ Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định chi tiết về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 2. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

1. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

a) Mẫu số 1: Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng, cả năm;

b) Mẫu số 2: Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư hàng tháng đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên;

c) Mẫu số 3: Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư quý, 6 tháng, cả năm đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên;

d) Mẫu số 4: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên;

đ) Mẫu số 5: Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên;

e) Mẫu số 6: Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư 6 tháng, cả năm đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác.

2. Trong các mẫu trên đây, những chữ in nghiêng là các nội dung mang tính hướng dẫn và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ vào tình hình thực tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

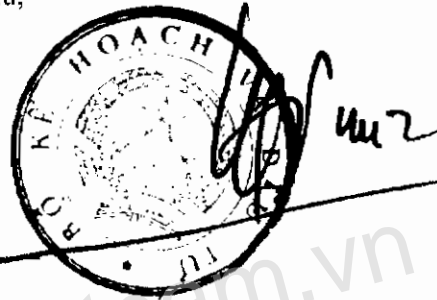
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~17~~ tháng ~~7~~ năm 2010.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Ban quản lý các Khu kinh tế;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT.Tr(40).



Võ Hồng Phúc

Mẫu số 1. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng, cả năm

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

.... ngày tháng năm.....

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

- Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (*số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản*).

- Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG 30% VỐN NHÀ NƯỚC TRỞ LÊN (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án.

2. Tình hình thực hiện các dự án.

- Giá trị khối lượng đã thực hiện đầu tư trong kỳ; mức độ đạt được so với kế hoạch;

- Tình hình giải ngân của các dự án; mức độ đạt được so với kế hoạch;

- Số dự án chậm tiến độ; nguyên nhân chính; giải pháp khắc phục;

- Số dự án điều chỉnh trong kỳ; nguyên nhân chính; giải pháp khắc phục;
- Số dự án vi phạm quy định về quản lý chất lượng; mức độ vi phạm; nguyên nhân chính; giải pháp khắc phục;
- Số dự án thất thoát, lãng phí; mức độ thất thoát, lãng phí; nguyên nhân; tình hình xử lý các vi phạm được phát hiện;
- Số dự án vi phạm về thủ tục đầu tư; mức độ vi phạm; nguyên nhân; giải pháp khắc phục.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước:

- Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trong kỳ;
- Kết quả giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;
- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có);
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Thẩm tra, cấp giấy chứng nhận đầu tư.
 - Tình hình thẩm tra dự án;
 - Số lượng dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong kỳ, tổng vốn đầu tư đã đăng ký trong kỳ (phân theo các ngành kinh tế).
2. Quản lý thực hiện các dự án đầu tư.
 - Kế hoạch vốn đầu tư theo đăng ký;
 - Tình hình giải ngân thực tế đạt được.
3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.
2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.
 - Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch (kèm theo danh mục các dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tổ chức kiểm tra);

- Số dự án được đánh giá; mức độ đạt được so với kế hoạch (*kèm theo danh mục các dự án được đánh giá*);

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo (*kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra, đánh giá trong kỳ*).

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

VI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

(Kèm theo các phụ biểu: 01, 02, 03)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 01
Tình hình thực hiện đầu tư trong kỳ báo cáo

	Vốn đầu tư thực hiện theo quý				Tổng cộng
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I. Dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên					
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành					
II. Dự án sử dụng nguồn vốn khác					
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành					
III. Tổng cộng					
1. Vốn nhà nước					
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành					
% so với cùng kỳ năm trước					
2. Vốn khác					
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành					
% so với cùng kỳ năm trước					
3. Tổng cộng					
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành					
% so với cùng kỳ năm trước					

Ghi chú: Vốn nhà nước được tổng hợp từ phần vốn nhà nước trong các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên và phần vốn nhà nước trong các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

Phụ biểu 02
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư
các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A	B	C
I	Chuẩn bị đầu tư				
1	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong kỳ				
2	Số dự án được thẩm định trong kỳ				
3	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ				
II	Thực hiện đầu tư				
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ				
2	Số dự án khởi công mới trong kỳ				
3	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ				
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ				
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá dự án trong kỳ				
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ				
a	Không phù hợp với quy hoạch				
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền				
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án				
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)				
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)				
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện				
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định				
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ				
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư				
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng				
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu				
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời				

d	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác				
10	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ				
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư				
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư				
d	Số dự án phải điều chỉnh địa điểm đầu tư				
11	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
12	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ				
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ				
-	Chỉ định thầu				
-	Đấu thầu hạn chế				
-	Đấu thầu rộng rãi				
-	Hình thức khác				
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ				
-	Đấu thầu không đúng quy định				
-	Ký hợp đồng không đúng quy định				
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng				
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ				
2	Số dự án đã thực hiện thủ tục quyết toán hoàn thành dự án trong kỳ				
3	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng không có hiệu quả (nếu có)				

Phụ biểu 03
Tình hình thực hiện giám sát đầu tư
các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Phân theo nhóm		
			(1)	(2)	(3)
1	Số dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong kỳ				
a	Tổng số vốn đăng ký đầu tư				
b	Số dự án đã thực hiện thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư				
c	Số dự án đã thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư				
2	Số dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh trong kỳ				
a	Điều chỉnh mục tiêu				
b	Điều chỉnh quy mô vốn đầu tư				
c	Điều chỉnh tiến độ				
d	Chuyển đổi chủ đầu tư				
3	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ				
4	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ				
5	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ				
6	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ				
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ				
8	Các dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư trong kỳ				
9	Tổng số vốn đã giải ngân trong kỳ				
a	Nguồn vốn góp của chủ đầu tư				
b	Nguồn vốn vay				
c	Huy động hợp pháp khác				
10	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ				

Ghi chú: (1): Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; (2): Dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỉ đồng trở lên (trừ dự án quy định tại điểm (1)); (3): Dự án có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn 300 tỉ đồng.

Mẫu số 2. Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư hàng tháng đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT ngàytháng.....năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(Tháng.....năm.....)

Tên dự án:.....

Kính gửi:

1. Tình hình thực hiện dự án

1.1. Tiến độ thực hiện dự án

Khối lượng các công việc đã thực hiện; lũy kế công việc đã thực hiện từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch.

1.2. Tình hình giải ngân

- Giá trị khối lượng công việc đã thực hiện trong tháng; lũy kế giá trị khối lượng công việc từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch.

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư trong tháng; lũy kế giá trị giải ngân từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch:

+ Chi phí xây lắp:

+ Chi phí thiết bị:

+ Chi phí khác:

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự án

2.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện dự án: *(Đánh giá chung tình hình thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng, khối lượng thực hiện, tiến độ, giải ngân,... đánh giá mức độ đạt được so với kế hoạch, những tồn tại, vướng mắc).*

2.2. Phân tích nguyên nhân tồn tại.

2.3. Các giải pháp xử lý các tồn tại, vướng mắc.

3. Kiến nghị

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3. Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư quý, 6 tháng, năm đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT ngàytháng.....năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(Quý/6 tháng/năm)

Tên dự án:.....

Kính gửi:

I- Nội dung báo cáo:

1. Tình hình thực hiện dự án:
 - 1.1. Tiến độ thực hiện dự án: (Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng).
 - 1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:
 - 1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:
 - 1.4. Chất lượng công việc đạt được: (*Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán*).
 - 1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:
 - 1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:
2. Công tác quản lý dự án:
 - 2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: (*Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu*)
 - 2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: (*Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án*)
 - 2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:
 - 2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:
3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:
 - 3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: (*Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo*)

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: (Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án).

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: (Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án).

II. Chủ đầu tư tự đánh giá, nhận xét về Dự án:

1. Tình hình thực hiện dự án:
2. Công tác quản lý dự án:
3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

III. Kiến nghị các giải pháp thực hiện:

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo các phụ biểu: 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10)

CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Phụ biểu số 04 chỉ báo cáo 01 lần vào kỳ đầu tiên;
- Các phụ biểu 05, 06, 07, 08, 09, 10 chỉ báo cáo trong các kỳ triển khai các hoạt động liên quan đến các nội dung tại các phụ biểu này;
- Đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư ngoài việc gửi báo cáo cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan chủ quản phải gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Phụ biểu 04. Mẫu thông tin về dự án

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
5. Mục tiêu chính của dự án:
4. Qui mô, công suất:
5. Địa điểm dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Hình thức quản lý dự án:
8. Các mốc thời gian về dự án:
 - Ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
9. Tổng mức đầu tư:
10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Mô tả tóm tắt dự án:

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 05. Tiến độ lập thiết kế kỹ thuật

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu thực hiện TKKT	Ngày phê duyệt thiết kế kỹ thuật		
			Kế hoạch	Thực tế	Số văn bản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1-					
2-					
3-					
...					

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 06. Tiến độ giải phóng mặt bằng và tái định cư

STT	Tên tiểu dự án/gói thầu/địa điểm	Ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án để thực hiện đền bù GPMB&TĐC		Ngày thực hiện đền bù/(Bàn giao mặt bằng)	
		Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1-					
2-					
3-					
...					

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 07. Tiến độ chi vốn thực hiện phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

STT	Tên tiểu dự án/gói thầu/địa điểm	Chi phí cho GPMB & TĐC		Chi phí quản lý		Tổng chi phí		Lũy ke
		Kế hoạch	Đã chi	Kế hoạch	Đã chi	Kế hoạch	Đã chi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-								
2-								
3-								
...								

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 08. Tiến độ Thực hiện đấu thầu

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Hình thức đấu thầu	Phương thức đấu thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện đấu thầu		Kết quả đấu thầu			
							Kế hoạch	Thực tế	Giá dự thầu	Giá trúng thầu	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Nhà thầu trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1-												
2-												
3-												
...												

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 09. Tiến độ Thực hiện hợp đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên gói thầu	Số hợp đồng	Tên Nhà thầu	Ngày ký hợp đồng	Hợp đồng ban đầu		Hợp đồng điều chỉnh		Ngày hoàn thành thực tế	Giá trị khối lượng công việc đã thực hiện (%)			Giá trị đã thanh toán		
					Giá trị HĐ	Ngày hoàn thành	Giá trị HĐ	Ngày hoàn thành		Thời điểm báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi ký hợp đồng	Thời điểm báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi ký hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1-															
2-															
3-															
...															

.....Ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 10. Tổng hợp tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư dự án

Đơn vị: triệu đồng

STT	Diễn giải nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường		Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Số vốn đã được thanh toán (tạm ứng + thanh toán khối lượng hiện trường)				Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán		
			Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế từ khởi công		Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khởi công	
							Tổng số	Vốn tạm ứng	Tổng số	Vốn tạm ứng			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
1-	Tổng số												
2-	Vốn Nhà nước												
3-	Vốn khác												
-	Xây lắp												
-	Thiết bị												
-	Chi phí khác												
												

....., ngày.....tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 4. Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGDĐT ngàytháng.....năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:.....

Kính gửi:

I- Thông tin về dự án:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
5. Mục tiêu chính của dự án:
4. Qui mô, công suất:
5. Địa điểm dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Hình thức quản lý dự án:
8. Các mốc thời gian về dự án:
 - Ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
9. Tổng mức đầu tư:
10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Mô tả tóm tắt dự án:

II. Tình hình thực hiện dự án: (Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án).

III. Nội dung điều chỉnh dự án: (Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh)

IV. Nguyên nhân, lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh dự án:

(Xem xét một cách toàn diện về dự án, nêu rõ các lý do, nguyên nhân phải điều chỉnh dự án và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án thông qua đó để có cơ sở thực hiện việc điều chỉnh dự án, rút kinh nghiệm cho các dự án khác...)

V. Đánh giá lại Dự án điều chỉnh:

VI. Kiến nghị:

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 5. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BCGSDGĐT ngàytháng.....năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Tên dự án:.....

Kính gửi:

I. Thông tin về dự án:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
5. Mục tiêu chính của dự án:
4. Qui mô, công suất:
5. Địa điểm dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Hình thức quản lý dự án:
8. Các mốc thời gian về dự án:
 - Ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
9. Tổng mức đầu tư:
10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Mô tả tóm tắt dự án:
12. Thông tin về kế hoạch đấu thầu:

II. Nội dung:

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án:

Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.

2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *(Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, qui mô đầu tư, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng...)*.

2.2. Kết quả thực hiện về tài chính:

- So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị giải ngân thực tế;

- Nêu các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án;

- Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến giải ngân so với quyết định đầu tư đã phê duyệt.

2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án:

- Nêu những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án gồm: Cơ sở pháp lý; Quản lý dự án; Đấu thầu, mua sắm; Giải phóng mặt bằng và tái định cư; Các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ...

- Các thuận lợi, khó khăn và biện pháp khắc phục mà Chủ đầu tư đã thực hiện.

2.4. Nêu sơ bộ về hiệu quả kinh tế xã hội so với mục tiêu của dự án:

Việc thực hiện dự án để hướng tới hoàn thành mục tiêu của dự án và góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ.

2.5. Tác động đối với ngành và vùng:

Việc thực hiện dự án tác động đến ngành và vùng liên quan (Kinh tế, khoa học công nghệ, môi trường, văn hóa xã hội, v.v...).

2.6. Tính bền vững của dự án:

Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.

2.3. Rút bài học kinh nghiệm từ thực tiễn của dự án:

Các bài học rút ra từ dự án và khuyến nghị (nếu có) để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

5. Tình hình thực hiện các nội dung của Giấy chứng nhận đầu tư: *(Nêu rõ các nội dung được thực hiện theo các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp, theo từng giai đoạn của dự án).*

II. Kiến nghị các giải pháp thực hiện:

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn